

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-02-2024.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám
2. Ông Phạm Hoàng Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2023/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Bờ D, xã Thạnh Y, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Bờ D, xã Thạnh Y, huyện U Minh T, Kiên G.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Xẻo Lùng A, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/09/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Huỳnh Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Huỳnh Thanh N và chị Huỳnh Thị M (Sau đây gọi tắt là anh N, chị M) tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai chung sống như vợ chồng năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 20/02/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi trong việc kinh tế gia đình, nhiều lần chị M đi bỏ nhà từ 01 đến 02 tháng. Chị M làm nghề mua bán cá bóng, còn anh N làm nghề mua bán tôm càng xanh nên mỗi người tự quản lý tiền, tiêu xài riêng không quan tâm nhau. Chị M ít lo gia đình mà tụ tập bạn bè đi chơi đá gà, đánh bài và còn có tính ghen tuông vô cớ, từ đó chị đăng tin trên zalo, facebook xúc phạm đến anh N, nên vợ chồng ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tiếp tục chung sống chỉ làm cả hai đau khổ, anh N xin được ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng anh N, chị M có 01 người con chung Huỳnh Chơn Vẹn, sinh ngày 23/12/2017, hiện con đang sống với anh N. Vợ chồng ly hôn anh N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N, chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Anh N, chị M không có không yêu cầu xem xét.

Bị đơn chị Huỳnh Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn với chị M do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, chị M ít quan tâm cho chồng và con, mà thường tụ tập bạn bè đi chơi và có tính ghen tuông vô cớ. Vợ chồng không tin tưởng nhau, tự quản lý tiền, tiêu xài riêng. Mỗi lần cự cãi chị M đi bỏ nhà từ 01 đến 02 tháng mới về nhà.

Về con chung: Anh N yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Chơn Vẹn, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay chị M con đang nuôi 03 người con riêng dưới 18 tuổi, nên chị M không đảm bảo để nuôi cháu Vẹn.

Về tài sản chung: Anh N, chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét; nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh N được ly hôn với chị M; giao con chung Huỳnh Chơn Vẹn cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, do anh N đang nuôi con và anh có nghề nghiệp thu nhập ổn định từ 20 đến 30 triệu đồng/tháng, đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu Vẹn; về chia tài sản chung, anh N không yêu cầu nên đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Huỳnh Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M không phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh N. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị M.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Huỳnh Thanh N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn chị Huỳnh Thị M. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn và nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. *Xét nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh N, HĐXX nhận thấy*:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh N và chị M là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh N trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không hợp. Chị M ít quan tâm, chăm sóc gia đình mà thường tụ tập bạn bè đi chơi và còn có tính ghen tuông vô cớ. Từ đó, chị M nhiều lần đăng tin trên zalo, facebook xúc phạm đến anh N, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh N, chị M cũng được chính quyền địa phương xác nhận là đúng.

Tại biên bản xác minh ngày 11/12/2023 ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị H (Ông S, bà H là cha mẹ ruột của chị M) trình bày: Vợ chồng chị M, anh N tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau đó, vợ chồng anh , chị M về chung sống tại ấp Bờ D, xã Thạnh Y, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G. Ông S, bà H có biết việc vợ chồng anh N, chị M có xảy ra mâu thuẫn, anh N yêu cầu ly hôn với chị M thì ông, bà không ý kiến, do các con tự quyết định. Ông S, bà H và chị M có nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng do chị M thường đi làm thuê nên chị M không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Ông S, bà H được biết chị M cũng đồng ý ly hôn với anh N, vì chị cần làm giấy độc thân để thuận tiện xin việc làm. Ông S, bà H cam kết lời trình bày là đúng.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng anh N kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh N, chị M không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho anh N được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh N yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Chơn Vẹn, không yêu cầu chị M cấp dưỡng, HĐXX nhận thấy: Chị M ngoài có 01 con chung Vẹn với anh N, chị M còn có 03 người con riêng dưới 18 tuổi chị M đang nuôi dưỡng; còn anh N chỉ có cháu Vẹn, nên từ khi vợ chồng anh N, chị M ly thân tháng 10/2022 đến nay cháu Vẹn được anh N chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và cho đi học, cháu đã thích nghi với bạn bè và môi trường sống bên anh N. Anh N và chị M đều có nghề nghiệp ổn định, đều có thu nhập nên đều kiện nuôi con của anh, chị là ngang nhau. Tuy nhiên, nhằm để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Vẹn, HĐXX thiết nghĩ tiếp tục giao cháu Vẹn cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh N không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh N, chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, nên HĐXX miễn xét.

Về nợ chung: Anh N xác định không có, không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh Huỳnh Thanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, tại biên lai thu số 0002974 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Thanh N và chị Huỳnh Thị M.

2. *Về con chung*: Giao con chung Huỳnh Chơn Vẹn, sinh ngày 23/12/2017 (Hiện con đang sống với anh N) cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị M có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Anh N, chị M tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Anh N, chị M không có nợ và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu xem xét, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Huỳnh Thanh N phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002974 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh N đã thực hiện xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng

